TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ - ST.
Ngày: 20 - 7 - 2022.
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Phương;

Ông Hà Phương Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2022/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1971; địa chỉ HKTT: Ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng; chổ ở hiện nay: Số nhà X, Đường Y, khu phố Z, thị trấn P, thị xã C, tỉnh Bình Dương (có mặt).

2. Bị đơn Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 25/4/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài, đến tháng 04/2014 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống từ đó thường xuyên cải vã qua lại, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bà S và ông V sống ly thân từ tháng 02/2016 cho đến nay, sau khi sống ly thân thì bà S và ông V có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm. Trong thời gian chung sống, bà S và ông V có 02 người con chung là

Nguyễn Văn K, sinh ngày 27/11/1992 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/7/1999. Hiện nay con chung đã thành niên; về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị S yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn V; về con chung hiện nay đã thành niên nên bà S không yêu cầu gì; về tài sản chung, nợ chung: Không có nên bà S không yêu cầu gì.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn V: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông V, nhưng ông V không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông V để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông V vắng mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông V biết. Bị đơn ông Nguyễn Văn V đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên toà, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn V chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn V tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên mối quan hệ giữa bà S và ông V không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn V; về con chung: Hiện nay con chung đã thành niên, bà S không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị S, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ năm 1996, bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn V chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ chung sống giữa bà S và ông V do không đăng ký kết

hôn nên không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ giữa bà S và ông V không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn V.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị S xác định trong thời gian chung sống, bà S và ông Nguyễn Văn V có 02 người con chung là Nguyễn Văn K, sinh ngày 27/11/1992 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/7/1999 hiện nay đã thành niên và bà S không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị S xác định trong thời gian chung sống bà S và ông Nguyễn Văn V không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn V.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị S xác định trong thời gian chung sống, bà S và ông Nguyễn Văn V có 02 người con chung là Nguyễn Văn K, sinh ngày 27/11/1992 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/7/1999 hiện nay đã thành niên và bà S không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị S xác định trong thời gian chung sống bà S và ông Nguyễn Văn V không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà S đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003435, ngày 26/4/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Nguyễn Thị S đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Ánh